

Số: 250/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Cơ sở sản xuất cao su butyl tái sinh và bao bì carton tại thôn Vĩnh Sơn, xã Tân Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xác thực hợp nhất tại văn bản số 11/VBHN-BTNMT ngày 25/10/2019;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của: Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Cơ sở sản xuất cao su butyl tái sinh và bao bì carton tại thôn Vĩnh Sơn, xã Tân Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã họp ngày 31/7/2020 tại Sở Tài nguyên và Môi trường; Báo cáo kết quả thẩm định tại Tờ trình số 257/TTr-HĐTĐ-ĐTM ngày 10 tháng 8 năm 2020;

Đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 340/STNMT-CCBVMT ngày 23 tháng 03 năm 2021 về việc báo cáo đề xuất đối với Dự án xây dựng cơ sở sản xuất cao su butyl tái sinh và bao bì carton tại thôn Vĩnh Sơn, xã Tân Thanh, huyện Sơn Dương;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Cơ sở sản xuất cao su butyl tái sinh và bao bì carton tại thôn Vĩnh Sơn, xã Tân Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã được chỉnh sửa, bổ sung, gửi kèm văn bản số 25/CV-PMT ngày 05/8/2020 của Chủ Cơ sở sản xuất cao su butyl tái sinh và bao bì carton;

Xét đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Cơ sở sản xuất cao su butyl tái sinh và bao bì carton tại thôn Vĩnh Sơn, xã Tân Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (sau đây được gọi là Dự án) của Chủ Cơ sở sản xuất cao su butyl tái sinh và bao bì carton với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật (*phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh tổ chức niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã*).

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

4. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng chống cháy, nổ, ứng cứu sự cố, an toàn lao động, an toàn hóa chất và các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động của dự án. Trong quá trình thực hiện dự án, khi đề xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động gây ra sự cố, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, thông báo kịp thời cho chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng để được chỉ đạo và phối hợp xử lý; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

5. Chỉ được triển khai (thực hiện) dự án sau khi Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Sơn Dương được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở: Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Lao động Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương; Chủ tịch UBND xã Tân Thanh; ông Phùng Minh Thủy - Chủ cơ sở sản xuất cao su butyl tái sinh và bao bì carton; thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ông Phùng Minh Thủy - Chủ cơ sở sản xuất cao su butyl tái sinh và bao bì carton; (Chủ dự án)
- Chủ tịch UBND tỉnh; (Báo cáo)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Thành viên HĐ TĐ Báo cáo ĐGTĐMT dự án;
- Chuyên viên: KS, CN;
- Lưu VT, (Đ 30).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Giang

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT CAO SU BUTYL TÁI SINH VÀ BAO BÌ CARTON TẠI THÔN VĨNH SON, XÃ TÂN THANH, HUYỆN SON DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Cơ sở sản xuất cao su butyl tái sinh và bao bì carton tại thôn Vĩnh Sơn, xã Tân Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

1.2. Địa điểm thực hiện: Thôn Vĩnh Sơn, xã Tân Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

1.3. Chủ đầu tư dự án: Cơ sở sản xuất cao su butyl tái sinh và bao bì carton

- Đại diện: Ông Phùng Minh Thủy Chức vụ: Chủ cơ sở.

- Quốc tịch: Việt Nam.

- Địa chỉ liên hệ: Xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

1.4. Phạm vi, quy mô dự án

- Khu đất thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất có diện tích 1.018,1 m², đã được Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR739367 ngày 05/11/2019 và cho phép chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm khác (đất vườn liền kề đất ở) để sử dụng vào mục đích đất ở tại nông thôn tại Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 02/12/2019.

- Quy mô công suất sản xuất: Cao su Butyl tái sinh 2.800 tấn/năm; bao bì carton 10.000 tấn/năm.

- Nguyên liệu sản xuất: Nguyên liệu sản xuất cao su butyl tái sinh là sảm cao su phế liệu không dính dầu, mỡ, các thành phần nguy hại và đã được cắt bỏ van sắt, rửa sạch (không sử dụng cao su phế liệu nhập khẩu). Nguyên liệu sản xuất bao bì carton là giấy cuộn.

- Sản phẩm: Cao su Butyl tái sinh được cắt thành miếng kích thước dài 60 cm, rộng 40 cm và được đóng gói với khối lượng 20 kg; Bao bì giấy carton gồm các loại thùng carton 03 lớp, 5 lớp có kích thước tùy theo nhu cầu của khách hàng.

1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án

- Nhà văn phòng: Diện tích xây dựng 50 m². Nhà 01 tầng, tường xây gạch, nền đổ bê tông, mái lợp tôn chống nóng.

- Xưởng sản xuất: Diện tích xây dựng 210 m². Nhà khung thép tiền chế, tường xây gạch, nền đổ bê tông mác 300, mái lợp tôn sóng.

- Nhà kho: Diện tích 120 m². Nhà 01 tầng, tường xây gạch, nền đổ bê tông mác 300, mái lợp tôn.

- Nhà để xe: Diện tích 15 m², mái lợp tôn.

- Khu vệ sinh: Diện tích 12 m².

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ cơ sở

2.1. Các tác động môi trường chính của cơ sở

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ hoạt động đào đắp, san gạt, bốc dỡ, lưu trữ nguyên vật liệu xây dựng và từ hoạt động của máy móc thi công.

- Tác động do nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng.

- Tác động do nước thải phát sinh từ quá trình thi công, xây dựng.

- Tác động do nước mưa chảy tràn.

- Tác động do chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải xây dựng trên công trường.

- Tác động do chất thải nguy hại.

b) Giai đoạn vận hành hoạt động

- Tác động do bụi và khí thải phát sinh trong quá trình bốc xúc, tập kết, vận chuyển nguyên vật liệu và từ các khâu sản xuất.

- Tác động do nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh các thiết bị, máy móc.

- Tác động do nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại cơ sở sản xuất.

- Tác động do nước mưa chảy tràn bề mặt cuốn theo chất bẩn.

- Tác động do chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn sản xuất.

- Tác động do chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực lán trại với khối lượng khoảng 1,6 m³/ngày; thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh.

b) Giai đoạn vận hành hoạt động

** Nước thải sinh hoạt*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực lán trại với khối lượng khoảng 4,5 m³/ngày; thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh.

** Nước thải sản xuất*

- Nước làm mát máy móc thiết bị và sản phẩm cao su có khối lượng khoảng 01 m³/ngày, được tuần hoàn tái sử dụng hoàn toàn, không thải ra môi trường.

- Nước thải từ tháp hấp thụ xử lý khí thải với khối lượng khoảng 4,5 m³/ngày, được tuần hoàn tái sử dụng.

- Nước thải từ công đoạn vệ sinh thiết bị phát sinh khoảng 0,5 m³/ngày.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Các hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng nhà xưởng và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu làm phát sinh bụi và khí thải phát sinh với thành phần chủ yếu gồm: SO₂, NO_x, CO, hợp chất hydrocacbon...

b) Giai đoạn vận hành hoạt động

- Hoạt động bốc xúc, tập kết nguyên liệu và hoạt động của các phương tiện vận chuyển sẽ phát sinh bụi, khí thải có thành phần: CO, SO₂, NO_x,...

- Hoạt động sản xuất cao su butyl tái sinh tại các công đoạn nghiền, cán luyện cao su làm phát sinh bụi, khí thải có thành phần: CO, CO₂, SO₂, NO_x và các hợp chất hữu cơ (VOC).

- Hoạt động sản xuất bao bì carton tại các công đoạn xả cuộn tạo sóng, in, phủ keo và sấy sau khi ghép mặt sẽ phát sinh bụi, CO, SO₂, NO_x và các hợp chất hữu cơ (VOC).

- Hoạt động của máy phát điện dự phòng sẽ làm phát sinh bụi, SO₂, NO₂, CO.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt gồm các loại túi nylon, carton, giấy vụn, thức ăn thừa... phát sinh với khối lượng khoảng 10 kg/ngày.

- Chất thải rắn thi công với khối lượng khoảng 15 tấn với thành phần chính là gạch, đá, sắt, thép,...

b) Giai đoạn vận hành hoạt động

- Chất thải rắn sinh hoạt gồm các loại túi nylon, carton, giấy vụn, thức ăn thừa... phát sinh với khối lượng khoảng 15 kg/ngày.

- Chất thải rắn từ hoạt động sản xuất cao su butyl tái sinh khoảng 20 kg/ngày với thành phần chủ yếu là cao su rơi vãi được thu gom, tái sử dụng cho sản xuất.

- Chất thải rắn từ hoạt động sản xuất bao bì carton khoảng 12,6 kg/ngày với thành phần là giấy vụn thải, sản phẩm lỗi, dây đai,..

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 172 kg/tháng với thành phần gồm: giẻ lau nhiễm dầu, dầu mỡ thải,...

b) Giai đoạn vận hành hoạt động

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 336 kg/tháng với thành phần gồm: Giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất, keo; bóng đèn huỳnh quang; dầu nhớt thải; Pin, ắc quy thải; lưới lọc chứa thành phần nguy hại; than hoạt tính từ hệ thống xử lý khí thải;...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường

3.1. Các công trình, biện pháp BVMT trong giai đoạn thi công xây dựng

a) Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý tại hệ thống bể tự hoại cải tiến dung tích 10 m³. Quy trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt -> bể tự hoại cải tiến -> môi trường.

- Nước thải thi công được thu gom về hố lắng có kích thước 1mx1mx2m.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt và nước thải thi công phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị, thi công đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

b) Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải và tiếng ồn

- Phun nước tưới ẩm giảm thiểu bụi khu vực thi công. Tần suất tưới thực hiện 01 lần/ngày và 02 lần/ngày đối với thời tiết khô hanh.

- Không sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công gây độ ồn lớn. Không thi công từ 11h30' – 13h30' và buổi tối.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN27:2010/BTNMT; QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào 03 thùng đựng rác có nắp đậy (110 lít) và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ 01 ngày/lần vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Thu gom toàn bộ chất thải rắn thi công về khu vực có mái che sau đó tái sử dụng hoặc bán phế liệu.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày

24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng.

d) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại

- Thu gom toàn bộ các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công; lưu giữ trong 02 thùng chứa (loại dung tích 200 lít), bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có gắn biển hiệu cảnh báo. Sau khi kết thúc hoạt động thi công, thuê đơn vị có chức năng vận chuyên đi xử lý, tiêu hủy theo quy định..

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

e) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn về điện, cháy, nổ, an toàn lao động, sự cố an toàn giao thông.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với thời tiết bất thường như lũ ống, lũ quét.

3.2. Công trình, biện pháp BVMT trong giai đoạn vận hành, hoạt động

a) Công trình thu gom, xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý tại hệ thống bể tự hoại cải tiến dung tích 10 m³ tại khu vệ sinh và 5 m³ tại khu vực nhà văn phòng. Quy trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt -> bể tự hoại cải tiến -> môi trường.

- Nước làm mát được thu gom về bể chứa 02 ngăn dung tích 20 m³ để lưu chứa nước làm mát và có công năng để lắng cặn và giảm nhiệt cho nước để tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra môi trường.

- Nước thải vệ sinh thiết bị được thu gom vào bồn chứa dung tích 1m³ và được lưu chứa tại kho CTNH.

- Nước thải từ tháp hấp thụ được thu gom về bể chứa có tổng dung tích 30m³ gồm 03 ngăn để lắng bùn cặn và được bơm tuần hoàn về tháp hấp thụ để tái sử dụng cho xử lý khí thải, không thải ra môi trường.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành sản xuất đạt cột B, QCVN 14: 2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra mương tưới; đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5

năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

b) Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải.

- Bụi phát sinh tại công đoạn nghiền cao su được thu gom bằng chụp hút lắp đặt phía trên máy nghiền đưa về hệ thống xử lý bụi. Quy trình xử lý bụi: Bụi phát sinh -> Chụp hút -> Hệ thống đường ống -> Quạt hút -> Cyclone-> Thiết bị lọc bụi túi vải -> Khí sạch.

- Bụi, khí thải, hơi cao su phát sinh tại công đoạn cán, luyện cao su được thu gom bằng hệ thống các chụp hút đưa về hệ thống xử lý khí thải tập trung đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi thải ra môi trường. Quy trình xử lý khí thải: Bụi, khí thải hơi cao su -> Chụp hút -> Ống dẫn khí -> Tháp hấp thụ và trung hòa -> Hộp hấp phụ than hoạt tính -> Quạt làm khô -> Máy lọc khí Plasma-> Ống khói.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ bụi, khí thải, hơi cao su trong quá trình hoạt động sản xuất đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường và đạt QCVN 19: 2009/BTNMT (cột B, Kp = 1, Kv=1,4); QCVN 20: 2009/BTNMT.

c) Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào 03 thùng đựng rác có nắp đậy (60 lít) tại khu vực phát sinh chất thải, 03 thùng chứa rác có nắp đậy với dung tích 120 lít để đặt ở khu vực tập trung chất thải sinh hoạt và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ 01 ngày/lần vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Chất thải sản xuất được thu gom, lưu chứa tại kho chứa diện tích 20 m², mái che kín, nền đổ bê tông.

d) Công trình thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại được thu gom vào 05 thùng chuyên dụng có thể tích 120 lít; 05 bồn chứa có dung tích 1 m³ và dán nhãn nguy hại. Xây dựng kho chứa chất thải nguy hại diện tích 30 m² để lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại trước khi thuê đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển đi xử lý, tiêu hủy.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

e) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Chỉ sử dụng các thiết bị máy móc đạt tiêu chuẩn, đã được kiểm định theo quy định; thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị; trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình sản xuất.

f) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Xây dựng kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy, nổ theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải tập trung theo quy định của pháp luật hiện hành.

g) Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

Xây dựng và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước, không để nước đọng, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành sản xuất.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại cải tiến; hệ thống thu gom, lưu chứa nước thải làm mát và nước thải của hệ thống xử lý khí thải.

- Hệ thống thu gom, xử lý bụi nghiền nguyên liệu (cao su).

- Hệ thống thu gom, xử lý khí thải tập trung.

- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

- Kho chứa chất thải (chất thải rắn sản xuất thông thường và nguy hại)

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a) Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại khu vực thi công xây dựng; 01 mẫu tại đường vào cơ sở sản xuất; 01 mẫu tại khu vực dân cư gần cơ sở sản xuất.

- Thông số quan trắc: Vi khí hậu, hàm lượng bụi, tiếng ồn, CO, NO₂, SO₂.

- Tần suất: 01 lần/thời gian thi công.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT.

b) Giám sát nước mặt

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại ao nước gần khu vực xây dựng cơ sở sản xuất.

- Thông số quan trắc: pH; độ đục; TSS; DO; BOD₅; COD; Tổng N; NH₄⁺; NO₃⁻; NO₂⁻; Tổng dầu mỡ; Fe; Pb; Coliform.

- Tần suất: 01 lần/thời gian thi công.
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 08-MT: 2015/BTNMT, cột B-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

c) Giám sát khác

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.
- Giám sát hiện tượng trượt, sụt lở đất công trình.
- Tần suất giám sát 02 lần/thời gian thi công.

5.2. Giai đoạn vận hành hoạt động

a) Giám sát khí thải

- Vị trí giám sát: Mẫu khí thải sau hệ thống xử lý khí thải sản xuất cao su butyl.

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, bụi, SO₂, CO, NO₂, NH₃, H₂S, VOC.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19: 2009/BTNMT (cột B, Kp = 1, Kv=1,4); QCVN 20: 2009/BTNMT.

b) Giám sát môi trường không khí

** Khu vực dân cư*

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại khu vực dân cư phía Tây Nam cơ sở sản xuất (cách vị trí ống khói thải khoảng 200m);

- Thông số quan trắc: Nhiệt độ, bụi, SO₂, CO, NO₂, NH₃, H₂S, VOC, tiếng ồn.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT.

** Khu vực sản xuất*

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại khu vực nghiền nguyên liệu cao su; 01 mẫu tại khu vực cán luyện cao su; 01 mẫu tại khu vực tạo sóng và ghép mặt; 01 mẫu tại khu vực in.

- Thông số quan trắc:

+ Đối với khu vực sản xuất cao su: Nhiệt độ, bụi, SO₂, CO, NO₂, NH₃, H₂S, VOC, tiếng ồn.

+ Đối với khu vực sản xuất bao bì carton: Nhiệt độ, bụi, SO₂, CO, NO₂, VOC, tiếng ồn.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT.

b) Giám sát nước thải:

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại cống thoát khu vệ sinh chung.

- Thông số quan trắc: pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N, tổng P, Coliforms.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

c) Giám sát khác

- Giám sát an toàn PCCC: Thường xuyên, định kỳ kiểm tra phát hiện các sơ hở, thiếu sót về phòng cháy và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Giám sát công tác quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại. Định kỳ 06 tháng/lần và gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

6. Các điều kiện kèm theo

6.1. Tuân thủ đúng quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và giải pháp xử lý chất thải rắn, tiếng ồn, khói bụi, nước thải, khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường Việt Nam hiện hành. Đặc biệt lưu ý các giải pháp xử lý bụi, khí thải và các biện pháp an toàn trong quá trình vận hành hệ thống cán luyện, sử dụng hóa chất của cơ sở.

6.2. Trước khi cơ sở đi vào vận hành hoạt động sản xuất, chủ cơ sở phải thiết kế, xây lắp các công trình bảo vệ môi trường; lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đến Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm để được kiểm tra, giám sát theo quy định. Lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường và chỉ được vận hành sản xuất khi được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định.

6.3. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.4. Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quản lý và giám sát môi trường; tuân thủ nghiêm chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.5. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình triển khai thực hiện; thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với nhân dân địa phương, người lao động tham gia thi công và khi cơ sở đi vào vận hành hoạt động sản xuất.

6.6. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến cơ sở khi được yêu cầu.